

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ NHA TRANG
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2024/DS-ST
Ngày: 25/3/2024
V/v “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NHA TRANG,
TỈNH KHÁNH HÒA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Cát Hoàng Trân**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Nguyễn Xuân Vinh**

2. Ông **Lưu Văn Có**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Trần Thư Thư** - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Nha Trang tham gia phiên tòa:* Bà **Võ Thị Lựu** - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang mở phiên tòa xét xử công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 276/2023/TLST-DS ngày 17 tháng 7 năm 2024 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2024/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 3 năm 2024; giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Bà **Nguyễn Thị N** – Sinh năm 1961

Địa chỉ: Tổ A, Đường Đ, V, N, Khánh Hòa

Đại diện theo ủy quyền: Ông **Nguyễn Ngọc T** – Sinh năm 1991 (Theo văn bản ủy quyền ngày 19/7/2023)

Địa chỉ: A N, P, N, Khánh Hòa

Ông T có mặt

* *Bị đơn:* Bà **Phạm Thị Thu H** – Sinh năm 1953

Địa chỉ: A H, P, N, Khánh Hòa

Bà H có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các biên bản hòa giải, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc T trình bày:*

Vào năm 2018, vì là chỗ quen biết nên bà H hỏi vay tiền của bà N để trả nợ. Bà N1 đồng ý nên đã vay tiền Ngân hàng để cho bà H vay lại cụ thể số tiền 250.000.000 đồng. Hai bên có ký giấy mượn tiền và bà H cam kết có trả lãi, để làm tin bà H tự nguyện giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất ở số BN 338041 số vào sổ cấp GCN: CH 00669/22351 do UBND thành phố N cấp cho bà Phạm Thị Thu H tại A H, Phường S, N, Khánh Hòa. Từ năm 2018 đến 21/10/2021, bà H có trả cho bà N1 20.000.000 đồng tiền gốc và sau đó bà H xin tiền lãi vì chỉ đủ khả năng trả gốc thì bà N1 đồng ý chót tiền lãi

cho bà H từ năm 2018 đến 2021 là 10.000.000 đồng. Ngày 21/01/2021 bà N1 và bà H cùng ký lại giấy vay, theo đó số tiền gốc còn nợ là 230.000.000 đồng, thỏa thuận lãi theo lãi suất ngân hàng, thời hạn trả là cuối năm 2021 và còn nợ thêm 10.000.000 đồng tiền lãi. Nay vì thời gian qua lâu, bà H không trả thêm cho bà N1 lần nào tiền gốc và lãi như thỏa thuận.

Quá trình giải quyết vụ án bà N1 rút yêu cầu đòi với 10.000.000 đồng tiền lãi theo đơn khởi kiện. Hiện yêu cầu bà H phải thanh toán cho bà N1 khoản nợ 299.920.000 đồng làm một lần. Trong đó bao gồm:

- Nợ gốc 230.000.000 đồng
- Nợ lãi tính từ ngày 22/01/2021 đến 22/4/2023 cụ thể: $230.000.000 \text{ đồng} \times 0.8\% \times 39 \text{ tháng} = 69.920.000 \text{ đồng}$.

Bà N1 tự nguyện giao trả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà H.

Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn chính do có sự nhầm lẫn nên sai sót thời gian tính lãi từ 22/01/2021 đến 22/4/2023 là 39 tháng thay vì 27 tháng. Nay xác định chỉ yêu cầu bà H thanh toán cho bà N1 số tiền 250.000.000 đồng. Trong đó, nợ gốc 230.000.000 đồng và tiền lãi 20.000.000 đồng (thời gian từ ngày 22/01/2021 đến 22/4/2023). Yêu cầu bà H thanh toán ngay.

** Theo biên bản lấy lời khai và các biên bản hòa giải, bị đơn bà Phạm Thị Thu H trình bày:* Bà thừa nhận trước đây có quen biết và có vay mượn tiền của bà N1 để trả nợ. Bà có tự nguyện giao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên bà cho bà N1 giữ để làm tin. Nay bà N1 khởi kiện yêu cầu bà trả nợ thì bà đồng ý còn nợ số tiền gốc là 230.000.000 đồng như lời nguyên đơn trình bày là đúng nhưng vì hiện nay bà rất khó khăn nên xin trả dần cho bà N1 mỗi tháng 4.000.000 đồng cho đến khi hết nợ. Tuy nhiên, đối với yêu cầu tiền lãi thì bà không đồng ý vì lúc vay từ năm 2018 mỗi tháng chính bà tự tay đưa tiền cho bà N1 2.500.000 đồng, vì tin nhau nên hai bên không có ký nhận giấy tờ. Đến năm 2021, bà không biết vì sao bà N1 không đồng ý gặp bà nữa và bà cũng không thể tiếp tục trả lãi cho bà N1.

Tại phiên tòa, bà thống nhất còn nợ bà N1 230.000.000 đồng tiền gốc và 20.000.000 đồng tiền lãi. Tuy nhiên, bà xin trả mỗi tháng 4.000.000 đồng cho đến khi hết nợ. Nếu thời gian tới bà có khoản tiền nào thì lập tức trả ngay cho bà N1.

** Tại phiên tòa:* Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nha Trang phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Nguyễn Thị N yêu cầu bà Phạm Thị Thu H phải thanh toán số nợ theo giấy vay tiền ghi ngày 21/01/2021 nên đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Bị đơn bà Phạm Thị Thu H có địa chỉ tại A H, P, N, Khánh Hòa, theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a, khoản 1, Điều 35 và điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

[2] Về nội dung tranh chấp:

Trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền nợ lãi 10.000.000 đồng. Tại phiên tòa, tiếp tục thay đổi yêu cầu tính tiền lãi từ ngày 22/01/2021 đến ngày 22/4/2023 là 27 tháng với số tiền 20.000.000 đồng. Rút yêu cầu đối với số tiền lãi 29.680.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy, đây là ý chí tự nguyện của nguyên đơn, phù hợp quy định của pháp luật nên chấp nhận.

Theo lời khai của đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, bị đơn và tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện, hiện nay bà H còn nợ bà N số tiền gốc 230.000.000 đồng và số tiền lãi 20.000.000 đồng. Theo giấy vay ghi ngày 21/01/2021, các bên thỏa thuận trả lãi ngân hàng và thời hạn trả tới cuối năm, đây là hợp đồng vay tài sản có thời hạn theo quy định của pháp luật. Đến hạn trả nợ, mặc dù bà N yêu cầu bà H thanh toán nợ nhiều lần nhưng không được là đã vi phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà N. Bà H cũng thừa nhận hiện còn nợ gốc 230.000.000 đồng nên việc bà N khởi kiện yêu cầu bà H thanh toán tiền nợ trên là hoàn toàn có căn cứ cần chấp nhận.

Đối với yêu cầu trả lãi của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy, tuy hai bên không ghi cụ thể lãi suất nhưng bà H đồng ý trả lãi Ngân hàng là tự nguyện và vì bà H vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên nguyên đơn yêu cầu tính lãi là hoàn toàn thỏa đáng. Tại phiên tòa, bà H cũng đồng ý với số tiền lãi 20.000.000 đồng mà đại diện nguyên đơn yêu cầu nên cần ghi nhận.

Việc bà H tự nguyện giao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất ở số BN 338041 số vào sổ cấp GCN: CH 00669/22351 do UBND thành phố N cấp cho bà Phạm Thị Thu H tại A H, Phường S, N, Khánh Hòa cho bà N làm tin để vay tiền là hoàn toàn tự nguyện. Nên bà N có nghĩa vụ trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên cho H.

[3] Về án phí:

- Bà Phạm Thị Thu H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận. Tuy nhiên, bà H sinh năm 1953 thuộc trường hợp miễn án phí dân sự sơ thẩm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Bà Nguyễn Thị N thuộc trường hợp miễn nộp tạm ứng án phí sơ thẩm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Điều 26; khoản 2 Điều 92; Điều 147; Điều 227; Điều 264; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Điều 463, 466, 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBNTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị N.

Buộc bị đơn bà Phạm Thị Thu H có trách nhiệm thanh toán một lần số tiền 250.000.000 đồng (Hai trăm năm mươi triệu đồng) cho bà Nguyễn Thị N ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Bà Nguyễn Thị N có trách nhiệm trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất ở số BN 338041 số vào sổ cấp GCN: CH 00669/22351 do UBND thành phố N cấp cho bà Phạm Thị Thu H.

2. Đình chỉ một phần đối với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N về việc buộc bà Phạm Thị Thu H phải thanh toán số tiền nợ lãi 39.680.000 đồng (Ba mươi chín triệu sáu trăm tám mươi nghìn đồng).

3. Về án phí: Nguyên đơn và bị đơn đều thuộc trường hợp miễn án phí và tạm ứng án phí dân sự nên không xem xét.

4. Quy định: Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự 2015, tương ứng với thời gian chậm trả.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án ND tỉnh Khánh Hòa;
- Viện KSND TP. Nha Trang
- Thi hành án dân sự TP. Nha Trang;
- Các đương sự;
- Lưu án văn, hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Cát Hoàng Trân